TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 153/2019/DS-ST
Ngày: 17-5-2019
V/v : tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Dũng

- *Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Thái Quân.

2. Ông Võ Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường-Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST- DS ngày 28 tháng 3 năm 2019, về: "*Tranh chấp* hụi", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Cư trú ấp Bình T 1, xã Phú B, Phú T, An Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Phượng L, sinh năm 1971. Hộ khẩu thường trú ấp Bình Tr 2, xã Bình Thạnh Đ, Phú T, An Giang; tạm trú và sinh sống hiện nay tại nhà cha, mẹ ruột thuộc ấp Bình T 2, xã Bình Thạnh Đ, Phú T, An Giang.

Ông T có mặt, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (bút lục số 05); bản tự khai (bút lục số 25) và biên bản lấy lời khai (bút lục số 24) thì giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Phượng L thống nhất khai: Ông T là chủ hụi, bà L là hụi viên, hình thức chơi hụi là sau khi hụi viên hốt hụi sẽ cho huê hòng chủ hụi và bà L đã tham gia các dây hụi sau đây:

1- Dây hụi 200.000đ: 07 ngày khui 01 lần, khui vào ngày 23- 01-2016 al, tổng số 37 phần, bà L vào 03 phần và đã hốt hết, đến nay hụi đã khui dứt điểm và tuy bà L có chầu lại hụi chết nhưng còn thiếu những lần cuối ông T phải xuất tiền chầu thay 6.000.000đ.

2- Dây hụi 1.000.000đ: 07 ngày khui 01 lần, khui vào ngày 12-5-2016 al, tổng số 26 phần, bà L vào 03 phần và đã hốt hết, đến nay hụi đã khui dứt điểmvà tuy bà L có chầu lại hụi chết nhưng còn thiếu những lần cuối ông T phải xuất tiền chầu thay 36.000.000đ.

3- Dây hụi 500.000đ: 15 ngày khui 01 lần, khui vào ngày 15-9-2016 al, tổng số 25 phần, bà L vào 04 phần và đã hốt hết, đến nay hụi đã khui dứt điểmvà tuy bà

L có chầu lại hụi chết nhưng còn thiếu những lần cuối ông T phải xuất tiền chầu thay là 8.000.000đ.

4- Dây hụi 300.000đ: 10 ngày khui 01 lần, khui vào ngày 11- 11- 2016 al, tổng số 39 phần, bà L vào 03 phần và đã hốt hết, đến nay hụi đã khui dứt điểm và tuy bà L có chầu lại hụi chết nhưng còn thiếu những lần cuối ông T phải xuất tiền chầu thay là 9.900.000đ.

5- Dây hụi 200.000đ: 07 ngày khui 01 lần, khui vào ngày 04- 12- 2016 al, tổng số 42 phần, bà L vào 06 phần và đã hốt hết, đến nay hụi đã khui dứt điểm và tuy bà L có chầu lại hụi chết nhưng còn thiếu những lần cuối ông T phải xuất tiền chầu thay là 10.000.000đ.

6- Dây hụi 500.000đ: 15 ngày khui 01 lần, khui vào ngày 08-3- 2017 al, tổng số 30 phần, bà L vào 05 phần và đã hốt hết, đến nay hụi đã khui dứt điểm và tuy bà L có chầu lại hụi chết nhưng còn thiếu những lần cuối ông T phải xuất tiền chầu thay là 62.500.000đ.

7- Dây hụi 200.000đ: 05 ngày khui 01 lần, khui vào ngày 25-4- 2017 al, tổng số 42 phần, bà L vào 05 phần và đã hốt hết, đến nay hụi đã khui dứt điểm và tuy bà L có chầu lại hụi chết nhưng còn thiếu những lần cuối ông T phải xuất tiền chầu thay là 19.000.000đ.

Tổng số tiền đã chầu thay = 151.400.000đ.

Ông T yêu cầu bà L phải trả dứt điểm số tiền trên đây. Bà L yêu cầu mỗi tháng trả 200.000đ đến khi dứt số tiền 151.400.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

{1.1}Quan hệ tranh chấp giữa các bên phát sinh từ giao dịch dân sự " hụi". Tranh chấp nầy thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Tòa án, theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật dân sự.

{1.2} Bà L đã được tống đạt thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng bà có đơn yêu cầu vắng mặt, vì vậy lập biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (bút lục các số 36, 37, 38, 39)

{1.3} Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục số 02). Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà

{2} Về nội dung:

{2.1} Nội dung tranh chấp giữa đôi bên phát sinh từ quan hệ tranh chấp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Theo bản tự khai (bút lục số 25) và biên bản lấy lời khai (bút lục số 24) thì giữa ông T với bà L thống nhất ông T là chủ hụi, bà L là hụi viên, bà L vào 07 dây hụi và đã hốt toàn bộ, sau khi hốt hụi tuy có chầu lại, nhưng còn những lần cuối chưa chầu, tổng số tiền là 151.400.000đ, ông T phải xuất tiền chầu thay. Nay ông T yêu cầu phải trả lại là hoàn toàn có căn cứ nghĩ nên chấp nhận và buộc bà L phải trả số tiền trên đây cho ông T theo khoản 1 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27-11-2006 của Chính phủ quy định: "Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên

đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc và bồi thường thiệt hại nếu có"

Ngoài các dây hụi trên đây thì ông T khai bà L còn tham gia 02 dây hụi và đã hốt toàn bộ, còn lại 76.000.000đ chưa chầu ông phải xuất tiền chấu thay, nhưng bà L không thừa nhận và ông chưa có chứng cứ để chứng minh, vì vậy không kiện trong vụ án này mà sau đó nếu tìm được chứng cứ ông sẽ tiếp tục kiện.

{2.2}Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận, vì vậy bà L phải chịu án phí thí quy định khoản 1, Điều 147 Bộ luật dân sự là 7.570.000đ.

[3]- Phát biểu ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1, Điều 228; Điều 271; khoản 1, Điều 273; Điều 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật dân sự;

- Các khoản 1 và 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ.

Tuyên xử:

- Buộc bà Nguyễn Thị Phượng L phải trả cho ông Nguyễn Văn T 151.400.000đ (Một trăm năm mươi một triệu, bốn trăm ngàn đồng chẵn).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm :

- Bà L phải chịu 7.570.000đ (Bảy triệu, năm trăm, bảy chục ngàn đồng chẵn).

- Ông T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.850.000đ (Ba triệu, tám trăm, năm chục ngàn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0005608 ngày 28- 3 -2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao quyết định hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thành Dũng